

DANH SÁCH SINH VIÊN K35**NHẬN HỌC BỔNG HK 2**

Khoa Tiếng Anh (năm học 2011 - 2012)

Kèm theo Quyết định số 2097/QĐ-ĐHSP-CTCTHSSV ngày 19/10/2012

STT	Họ và tên	MS SV	ĐT BC	ĐR L	Mức học bổng	Số tiền
1	Pha Ân n Trần Hòn g	K35	8.5285 .701 .003		300, 1,50 000 0,00 0	
2	Phù Dun ng g Thị Kim	K35	8.0880 .701 .006		300, 1,50 000 0,00 0	
3	Lê Đín h Thị Tru ng	K35	8.1280 .701 .011		300, 1,50 000 0,00 0	
4	Nguyễn Mi Dương nh Hoàng	K35	8.2883 .701 .029		300, 1,50 000 0,00 0	
5	Võ Thị Ng Hoàng ân	K35	8.2483 .701 .033		300, 1,50 000 0,00 0	
6	Trịnh Nũ Dao Nguyệt	K35	8.6073 .701 .040		240, 1,20 000 0,00 0	
7	Đinh Ph Ngọc on Quỳnh g	K35	7.9681 .701 .041		240, 1,20 000 0,00 0	
8	Huỳnh Tâ Ngô m Mình	K35	8.2488 .701 .045		300, 1,50 000 0,00 0	
9	Nguyễn Th Thị ảo Thanh	K35	8.2885 .701 .052		300, 1,50 000 0,00 0	
10	Phạm Tra Thùy ng	K35	7.9685 .701 .062		240, 1,20 000 0,00 0	
11	Lê Thùy ng	K35	8.5673 .701 .063		240, 1,20 000 0,00 0	
12	Bùi Thị Hu Ngọc yền	K35	8.0488 .701 .017		300, 1,50 000 0,00 0	

13	Nguyễn Kh	K35	8.0488	300, 1,50
	Đặng oa	.701	000	0,00
		.024		0
14	Trần BáLin	K35	8.2872	240, 1,20
	h	.701	000	0,00
		.026		0
15	Trịnh Hà	K35	7.5480	240, 1,20
	Thị Thung	.751	000	0,00
		.026		0
16	Trần Ph	K35	7.5472	240, 1,20
	Nguyễn ươ	.751	000	0,00
	Hoài ng	.077		0
17	Phạm Th	K35	7.9277	240, 1,20
	Thị ào	.751	000	0,00
	Thanh	.089		0
18	Đào Lê Th	K35	7.4677	240, 1,20
	Thanh úy	.751	000	0,00
		.091		0
19	Trần Trí	K35	7.3172	240, 1,20
		.751	000	0,00
		.112		0
20	Nguyễn Yế	K35	8.2378	240, 1,20
	Thị Hải n	.751	000	0,00
		.123		0
21	Lý Thế Di	K35	7.9273	240, 1,20
	nh	.751	000	0,00
		.014		0
22	Trần Gia	K35	7.6977	240, 1,20
	Thị ng	.751	000	0,00
	Hương	.024		0
23	Lê Kh	K35	7.3172	240, 1,20
	Ngọc uê	.751	000	0,00
	Xuân	.039		0
24	Tổng Ly	K35	7.5472	240, 1,20
	Phạm	.751	000	0,00
	Hải	.054		0
25	Hoàng Nh	K35	7.5472	240, 1,20
	Trần ư	.751	000	0,00
	Quỳnh	.072		0
26	Nguyễn Ph	K35	7.2375	240, 1,20
	Hoàng úc	.751	000	0,00
		.074		0
27	Bùi Ph	K35	7.7772	240, 1,20
	Quốc ươ	.751	000	0,00
	Nhật ng	.076		0
28	Nguyễn Ph	K35	7.1575	240, 1,20
	Sơn ươ	.751	000	0,00
	Bảo ng	.078		0
29	Ngô Qu	K35	7.6972	240, 1,20
	Thụy ỳn	.751	000	0,00

	Phương h	.081		0
30	Bùi Thị Th	K35 7.4672	240, 1,20	
	Kim	ủy .751	000 0,00	
		.093	0	
31	Khuru	Tù K35 7.7772	240, 1,20	
	Thanh	ng .751	000 0,00	
		.115	0	
32	Nguyễn An	K35 7.4476	240, 1,20	
	Hà Trúch	.751	000 0,00	
		.006	0	
33	Ngô	GiaK35 7.3975	240, 1,20	
	Hương	ng .751	000 0,00	
		.023	0	
34	Trần	Hạ K35 7.94 74	240, 1,20	
	Như	nh .751	000 0,00	
		.027	0	
35	Nguyễn Lin	K35 7.6175	240, 1,20	
	Hà	h .751	000 0,00	
	Khiết	.043	0	
36	Trương Ng	K35 7.5080	240, 1,20	
	Vũ	a .751	000 0,00	
	Diệu	.060	0	
37	Phạm	Th K35 7.3381	240, 1,20	
	Thị	ấm .751	000 0,00	
	Hồng	.086	0	
38	Đoàn	Th K35 7.2875	240, 1,20	
	Lê Trúcy	.751	000 0,00	
		.094	0	
39	Trần	TraK35 8.0680	300, 1,50	
	Thị	ng .751	000 0,00	
	Thùy	.102	0	
40	Diệp	TrúK35 7.3380	240, 1,20	
	Thanh	c .751	000 0,00	
		.109	0	
41	Đông	Uy K35 7.7881	240, 1,20	
	Thị Tố	ên .751	000 0,00	
		.118	0	